

SCORE REPORT COVER LETTER
Cognitive Abilities Test

Thưa Quý Phụ Huynh và Người Giám Hộ:

Gần đây con em của quý vị đã dự bài kiểm tra Trắc Nghiệm Năng Lực Nhận Thức (Cognitive Abilities Test (CogAT)). Bài kiểm tra này đo lường năng lực suy luận của các học sinh trong ba lãnh vực: ngôn từ, định lượng, và không ngôn từ. Phần ngôn từ đo lường khả năng của học sinh về học hỏi và giải quyết các vấn đề liên quan đến từ ngữ. Phần định lượng đo lường khả năng của con em ứng dụng các khái niệm về con số. Phần không ngôn từ đánh giá các kỹ năng sử dụng các số liệu và hình ảnh để giải đáp các vấn đề.

Cũng như bất cứ bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa nào, CogAT đo lường chỉ một số những kỹ năng của con em, và các kết quả của bài kiểm tra tiêu biểu hiệu năng học tập của em vào ngày dự kiểm tra. Do đó, những số điểm này chỉ là một ước định của năng lực thực sự của con em. Các số điểm kiểm tra không khi nào được dùng đơn thuần để quyết định về các dịch vụ hay hỗ trợ, nhưng có thể hữu ích khi giải thích cùng với những thông tin khác. Tại Hệ Trường Công Quận Fairfax, những kết quả thi CogAT được dùng là một trong nhiều phương cách đo lường để xác định các dịch vụ Chương Trình Giáo Khoa Nâng Cao (Advanced Academic Program (AAP)).

Các kết quả kiểm tra CogAT của con em được ghi trong Bản Tường Thuật Mô Tả Sơ Lược đính kèm. Bản Tường Thuật Mô Tả Sơ Lược cũng bao gồm phần giải thích về bài kiểm tra. Đoạn thứ nhất cung cấp một cái nhìn tổng quan của bài kiểm tra. Đoạn thứ hai mô tả về trình độ hiệu năng của con em được so với những học sinh khác đã tham gia kỳ kiểm tra trên toàn quốc. Đoạn này cũng cung cấp những khuyến nghị về cách sử dụng thông tin từ bài kiểm tra để khuyến khích việc phát triển thêm cho con em. Đoạn cuối cho biết chi tiết về lứa tuổi và cấp lớp được sử dụng cho những so sánh điểm số. Đây là một số thuật ngữ chuyên biệt mà quý vị sẽ tìm thấy trên Bản Tường Thuật Mô Tả Sơ Lược.

- **Số Điểm Hỗn Hợp (Composite Scores)** cho thấy một phát họa tổng thể về hiệu năng dựa trên khuôn thức các số điểm của con em cho tất cả ba phần bài kiểm tra (ngôn từ, số lượng, và không ngôn từ).
- **Số Điểm Theo Tuổi (Age Scores)** cho biết hiệu năng học tập của con em so với một phần mẫu đại diện toàn quốc các học sinh khác cùng độ lứa tuổi.
- **Số Điểm Theo Đề Kiểm Tra (Raw Scores)** cho biết số câu hỏi kiểm tra mà con em đã thử đáp và số câu hỏi thi con em đáp đúng trong tổng số các câu hỏi của từng phần bài kiểm tra.
- **Số Điểm Theo Lớp (Grade Scores)** cho biết hiệu năng học tập của con em so với một phần mẫu đại diện toàn quốc các học sinh khác trong cùng độ lớp.
- **Số Điểm Theo Tuổi Tiêu Chuẩn (Standard Age Scores (SAS))** cho thấy số điểm theo đề kiểm tra của con em được chuyển đổi thành một thang điểm nhất quán. Phạm vi số điểm SAS từ 50 tới 160, với 100 là điểm giữa.
- **Thang điểm stanines** cho biết hiệu năng học tập của con em trên một thang điểm tiêu chuẩn hóa từ 1 (thấp nhất) đến 9 (cao nhất), với stanine thứ 5 là điểm giữa.
- **Thứ Hạng Phần Trăm (Percentile Ranks (PR))** cho biết tỷ lệ các học sinh cùng nhóm (tuổi, địa phương, hay lớp) mà các số điểm đạt dưới số điểm con em đạt được. Thứ hạng phần trăm PRs nằm trong khoảng từ 1 là điểm thấp đến 99 là điểm cao. Ví dụ, thứ hạng phần trăm PR thứ 45 có nghĩa là con em làm bài kiểm tra được xem bằng, hay tốt hơn, 45 phần trăm số các học sinh trong nhóm so sánh.

Nếu quý vị có những điều thắc mắc về phiếu điểm số kiểm tra này, xin liên lạc với Giáo Viên Yểm Huấn Giáo Khoa Nâng Cao (Advanced Academic Resource Teacher (AART))

_____, hay Điều Phối Viên Thi Trắc Nghiệm Trường,
_____, tại trường của con em.